

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 03 /2019/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam

ĐẾN	Số: 2988
	Ngày: 31 / 7 / 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 3793/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

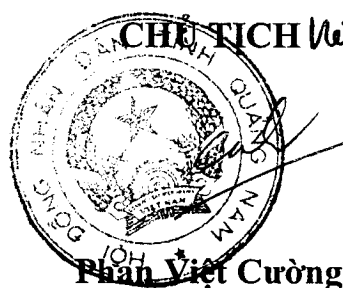
3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa LX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH(Phiên).



QUY ĐỊNH
VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số: Q.3/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm:

1. Tài sản công phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước; Văn phòng Huyện ủy (tài sản được nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước); đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tài sản công tại cơ quan, đơn vị), gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác;

d) Tài sản khác (máy móc thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu; tài sản khác theo quy định của pháp luật);

2. Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước;

3. Tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân;

4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

5. Tài sản là công trình nước sạch nông thôn tập trung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; Văn phòng Huyện, Thị, Thành ủy (gọi chung là Văn phòng Huyện ủy); đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công (riêng việc mua sắm tài sản công bằng nguồn vốn đầu tư thực hiện theo Luật Đầu tư công) trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính đối với các tài sản sau:

a) Mua sắm nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác (không phân biệt cấp ngân sách);

c) Tài sản khác có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu mua sắm (áp dụng đối với cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh).

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định mua sắm tài sản khác cho đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định mua sắm tài sản khác có giá trị đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác (bao gồm mua tài sản của Văn phòng Huyện ủy từ nguồn ngân sách nhà nước), có giá trị trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác có giá trị đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động với giá thuê từ 50.000.000 đồng trở lên/01 tháng hoặc một đợt thuê, trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định việc thuê tài sản phục vụ hoạt động cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc với giá thuê dưới 50.000.000 đồng/01 tháng hoặc một đợt thuê trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị trực thuộc.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động, với giá thuê dưới 20.000.000 đồng/01 tháng hoặc một đợt thuê.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động (bao gồm thuê tài sản của Văn phòng Huyện ủy từ nguồn ngân sách nhà nước),

với giá thuê từ 20.000.000 đồng trở lên/01 tháng hoặc một đợt thuê theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện và ý kiến Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động, với giá thuê đến dưới 20.000.000 đồng/01 tháng hoặc một đợt thuê.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản: Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; xe ô tô và phương tiện vận tải khác; tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác của Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện và Văn phòng Huyện ủy.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác khi phát hiện tài sản công thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có văn bản kiến nghị và chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp tại khoản 1 Điều này để xem xét, quyết định thu hồi.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công (bao gồm điều chuyển tài sản của Văn phòng Huyện ủy) trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với Nhà làm việc, tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc và xe ô tô, phương tiện vận tải khác) và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản sau:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác;

d) Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

đ) Tài sản khác từ các cơ quan, đơn vị thuộc huyện này sang các cơ quan, đơn vị thuộc huyện khác hoặc tài sản của cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh sang cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện và ngược lại;

e) Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện ủy này sang huyện ủy khác;

Riêng đối với tài sản tại Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện và Văn phòng Huyện ủy đề nghị điều chuyển là Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; xe ô tô và phương tiện vận tải khác thì phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đối với tài sản:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ là nhà có số tầng < 2 và diện tích sàn < 1.000m² đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của huyện trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác (không phân biệt cấp ngân sách);

d) Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 200.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản của mình và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác (bao gồm tài sản khác của Văn phòng Huyện ủy), có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, đối với các tài sản sau:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác (không phân biệt cấp ngân sách);

c) Tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản (bao gồm tài sản của Văn phòng Huyện ủy), có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô và phương tiện vận tải khác) trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện quyết định thanh lý tài sản, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản công theo phân cấp thì có thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công và quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương III
NỘI DUNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG CỦA
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 10. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, thủ trưởng cơ quan cấp trên (nếu có) và Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản sau:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và phương tiện vận tải khác (không phân biệt nguồn hình thành tài sản và cấp ngân sách);

b) Tài sản khác có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu mua sắm (áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh); trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

Riêng đối với tài sản mua sắm là cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và phương tiện vận tải khác theo đề nghị của các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện thì phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh quyết định mua sắm tài sản khác, có giá trị dưới 1.000.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu; trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban ngành quyết định mua sắm tài sản khác, có giá trị đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác, có giá trị trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu mua sắm, từ nguồn kinh phí ngân sách cấp huyện trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện; trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác, có giá trị đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất; xe ô tô và phương tiện vận tải khác) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thuê tài sản hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn

ngân sách nhà nước thì thực hiện theo nội dung phân cấp thuê tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập, Thủ trưởng cơ quan cấp trên (nếu có), đối với các tài sản sau:

a) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác (không phân biệt nguồn hình thành tài sản và cấp ngân sách);

b) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

c) Tài sản khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị; trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

Riêng tài sản là xe ô tô và phương tiện vận tải khác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện đề nghị thanh lý thì phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc các Sở, ban ngành của tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thanh lý đối với các tài sản sau đây trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện, phải phá dỡ để thực

hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Tài sản khác có giá trị trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

7. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý đối với tài sản khác.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; thủ trưởng cơ quan cấp trên (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản sau:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất;

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500.000.000 đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.

Riêng đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản gắn liền với đất; Xe ô tô và phương tiện vận tải khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện đề nghị bán thì phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành (cơ quan cấp trên của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) quyết định bán tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 200.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh quyết định bán tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 200.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.

5. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành của tỉnh quyết định bán tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản, theo đề nghị của thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện; trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều này.

7. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác, có nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 100.000.000 đồng/01 đơn vị tài sản.

8. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản khác được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo nội dung phân cấp về thu hồi, điều chuyển, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này.

Chương IV

NỘI DUNG PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG CỦA TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 15. Quản lý, sử dụng tài sản công của tổ chức chính trị - xã hội

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động quản lý tại cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp công lập tại Chương III Quy định này.

Điều 16. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Tài sản là trụ sở làm việc được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội quản lý, sử dụng thực hiện theo nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN THUỘC ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

Điều 17. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động của dự án cho đơn vị có nhu cầu sử dụng mà còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động dự án (không phân biệt dự án thuộc tỉnh hoặc thuộc huyện quản lý) theo đề nghị của Ban Quản lý dự án, đơn vị có nhu cầu nhận tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản sau: Diện tích đất Ban Quản lý dự án được giao hoặc tạm giao để phục vụ công tác thi công dự án; Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động dự án thuộc tỉnh quản lý theo đề nghị của Ban Quản lý dự án tỉnh, đơn vị có nhu cầu nhận tài sản và Giám đốc Sở Tài chính, đối với các trường hợp sau: Điều chuyển tài sản cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh hoặc thuộc cấp huyện (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này); Điều chuyển tài sản phục vụ cho hoạt động của dự án khác thuộc tỉnh quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản phục vụ hoạt động dự án thuộc huyện quản lý theo đề nghị của Ban Quản lý dự án, đơn vị có nhu cầu và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, đối với các trường hợp sau: Điều chuyển tài sản cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này); Điều chuyển tài sản phục vụ cho hoạt động của dự án khác thuộc huyện quản lý.

2. Bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo nội dung phân cấp về bán, thanh lý, tiêu hủy; bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này.

Chương VI

NỘI DUNG PHÂN CẤP XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 18. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản trên cơ sở đề xuất của cơ quan đã tiếp nhận thông tin (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại), Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Giám đốc Sở Tài chính, đối với các tài sản sau:

a) Bất động sản vô chủ; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế nhưng tài sản đó là bất động sản, di tích lịch sử - văn hóa hoặc trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản);

b) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa;

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền quyết định giải thể;

d) Tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho chính quyền địa phương nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

đ) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

e) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản trên cơ sở đề xuất của cơ quan đã tiếp nhận thông tin (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại), Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, đối với các tài sản sau:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế nhưng tài sản đó là động sản;

b) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không phải là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của Luật di sản văn hóa;

c) Tài sản khác do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện;

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc cấp huyện.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Đối với phương án xử lý theo hình thức chuyển giao hoặc điều chuyển:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định tịch thu thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý (trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 Điều này) trên cơ sở phương án xử lý của đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề nghị và ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

2. Đối với phương án xử lý theo hình thức bán đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt xử lý sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Đối với phương án xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán đấu giá được:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định tịch thu thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý trên cơ sở đề xuất phương án xử lý của đơn vị chủ trì quản lý tài sản và ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu

Cơ quan có thẩm quyền xử lý vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý.

Điều 21. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản vô chủ; tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người thừa kế, hàng hóa tồn đọng (trừ hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật); tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể; tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; tài sản chuyển giao cho Nhà nước theo hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Cơ quan có thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý trên cơ sở đề xuất phương án xử lý của cơ quan tài chính cùng cấp.

Chương VII

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG

Điều 22. Thẩm quyền quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản không phải là công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi quan trọng, đặc biệt thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản không phải là công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi quan trọng, đặc biệt thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở Đề án do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lập và ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản không phải là công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi quan trọng, đặc biệt thuộc cấp huyện quản lý trên cơ sở Đề án do Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) lập và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khi có sự thay đổi về phân cấp quản lý hoặc tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, trên cơ sở đề nghị trả lại tài sản của đơn vị được giao khai thác tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về phân cấp quản lý;

b) Các tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thuộc các trường hợp: Khi có sự thay đổi về quy hoạch; tài sản được giao không đúng đối

tượng, sử dụng sai quy định; tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với trường hợp khi có sự thay đổi về phân cấp quản lý của cấp huyện (từ huyện này sang huyện khác hoặc từ huyện sang tỉnh và ngược lại) thì phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, trên cơ sở đề nghị trả lại tài sản của đơn vị được giao khai thác tài sản thuộc phạm vi quản lý cấp huyện và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) trong các trường hợp sau:

- a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch;
- b) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai quy định;
- c) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và đề nghị của cơ quan, đơn vị nhận tài sản trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý mà tài sản điều chuyển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hoặc điều chuyển tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh điều chuyển cho huyện hoặc điều chuyển tài sản thuộc phạm vi quản lý của huyện này sang huyện khác;

b) Tài sản điều chuyển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) và đề nghị của cơ quan, đơn vị nhận tài sản, trong trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý mà tài sản điều chuyển thuộc phạm vi quản lý của huyện;

b) Tài sản điều chuyển thuộc phạm vi quản lý của huyện nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về quy hoạch sử dụng đất (trong trường hợp bán tài sản gắn với đất, mặt nước) và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính trong các trường hợp sau:

a) Tài sản gắn liền với đất, mặt nước (không phân biệt phạm vi quản lý của tỉnh hoặc phạm vi quản lý của cấp huyện);

b) Tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện; trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ý kiến Giám đốc Sở Tài chính trong các trường hợp sau:

a) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cũ để đầu tư xây dựng tài sản hạ tầng thủy lợi mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không sử dụng được công năng của tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đối với trường hợp tài sản hạ tầng thủy lợi bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện trên cơ sở đề nghị Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) và ý kiến Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trong các trường hợp sau:

a) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cũ để đầu tư xây dựng tài sản hạ tầng thủy lợi mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không sử dụng được công năng của tài sản.

c) Tài sản hạ tầng thủy lợi bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.

Điều 27. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cấp huyện trong trường hợp bị mất, hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế (đối với thị xã, thành phố) hoặc Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (đối với huyện) và ý kiến của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

Điều 28. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê, thanh lý và chuyển nhượng công trình nước sạch nông thôn tập trung:

Trong thời gian chưa có quy định, hướng dẫn mới về cơ chế phân cấp quản lý tài sản là công trình nước sạch nông thôn tập trung: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh vận dụng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ban hành quy định tạm thời về phân cấp quản lý tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung./.

CHỦ TỊCH *Việt*



Phan Việt Cường